

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN

CHỨC DANH: Phó giáo sư

Mã hồ sơ:.....



(Nội dung đúng ở ô nào thì đánh dấu vào ô đó: ☒ ; Nội dung không đúng thì để trống: ☐)

Đối tượng đăng ký: Giảng viên ☒; Giảng viên thỉnh giảng ☐

Ngành: Công nghệ Thông tin; Chuyên ngành: khoa học máy tính

A. THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Họ và tên người đăng ký: Trần Thanh Phước

2. Ngày tháng năm sinh: 12/07/1981; Nam ☒; Nữ ☐; Quốc tịch: Việt Nam;

Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Phật giáo

3. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam: ☐

4. Quê quán: xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố: Ấp 4, Xã Tân Tây, Huyện Gò Công Đông, Tỉnh Tiền Giang

5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú (số nhà, phố, phường, quận, thành phố hoặc xã, huyện, tỉnh): 153/9 Nguyễn Tiểu La, Phường 8, Quận 10, TPHCM

6. Địa chỉ liên hệ (ghi rõ, đầy đủ để liên hệ được qua Bưu điện): 153/9 Nguyễn Tiểu La, Phường 8, Quận 10, TPHCM

Điện thoại nhà riêng: ; Điện thoại di động: 0908350132;

E-mail: tranthanhphuoc@tdtu.edu.vn

7. Quá trình công tác (công việc, chức vụ, cơ quan):

Từ 12/2006 đến 03/2015: Giảng viên tại Khoa Công nghệ thông tin, Trường Đại học Công Thương TP.HCM

Chức vụ hiện nay: Trưởng bộ môn; Chức vụ cao nhất đã qua: Trợ lý trưởng khoa

Cơ quan công tác hiện nay: Khoa Công nghệ thông tin, Trường Đại học Tôn Đức Thắng.

Địa chỉ cơ quan: 19 Nguyễn Hữu Thọ, Phường Tân Phong, Quận 7, TP. HCM.

Điện thoại cơ quan: 02837755046

Thỉnh giảng tại cơ sở giáo dục đại học (nếu có): - Trường Đại học Khoa học Tự nhiên - Đại học Quốc Gia TP. HCM: hướng dẫn thạc sĩ. - Trường Đại học Công Thương TP. HCM: hướng dẫn thạc sĩ

8. Đã nghỉ hưu từ tháng ... năm ...

Nơi làm việc sau khi nghỉ hưu (nếu có):

Tên cơ sở giáo dục đại học nơi hợp đồng thỉnh giảng 3 năm cuối (tính đến thời điểm hết hạn nộp hồ sơ):

9. Trình độ đào tạo:

- Được cấp bằng ĐH [3] ngày 04 tháng 07 năm 2006, số văn bằng: 21/CN-ĐHSP-ĐT, ngành: Công nghệ thông tin, chuyên ngành: Tin học

Nơi cấp bằng ĐH [3] (trường, nước): Trường Đại học Sư Phạm TPHCM, Việt Nam

- Được cấp bằng ThS [4] ngày 06 tháng 10 năm 2011, số văn bằng: 130-TH/2012, ngành: Công nghệ thông tin, chuyên ngành: Hệ thống thông tin

Nơi cấp bằng ThS [4] (trường, nước): Trường Đại học Khoa học Tự Nhiên - Đại học Quốc Gia TPHCM, Việt Nam

- Được cấp bằng TS [5] ngày 20 tháng 11 năm 2018, số văn bằng: QH02201700029, ngành: Công nghệ thông tin, chuyên ngành: Khoa học máy tính

Nơi cấp bằng TS [5] (trường, nước): Trường Đại học Khoa học Tự Nhiên - Đại học Quốc Gia TPHCM, Việt Nam

10. Đã được bổ nhiệm/công nhận chức danh PGS ngày ... tháng ... năm ..., ngành: ...

11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó giáo sư tại HĐGS cơ sở: Trường Đại học Tôn Đức Thắng

12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó giáo sư tại HĐGS ngành, liên ngành: Công nghệ thông tin

13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu:

Xử lý ngôn ngữ tự nhiên liên quan đến tiếng Việt là hướng nghiên cứu chủ yếu, cụ thể ở các bài toán như sau:

- Xây dựng kho ngữ liệu (Corpus construction):
 - Xây dựng ngữ liệu song ngữ phục vụ cho dịch máy: Hoa-Việt, Hàn-Việt, Lào-Việt, Nga-Việt.
 - Xây dựng dữ liệu phục vụ cho các bài toán Hỏi đáp tự động, Phát sinh câu hỏi tự động.
 - Xây dựng dữ liệu phục vụ cho bài toán Phân lớp văn bản.
- Dịch máy (Machine translation): Nghiên cứu các bài toán dịch máy liên quan đến tiếng Việt, như: Hoa-Việt, Anh-Việt, Lào-Việt, Nga-Việt.
- Hỏi đáp tự động (Question & answering): Nghiên cứu các bài toán hỏi đáp tự động trên miền dữ liệu đặc thù như: giáo dục, du lịch, ...

- Phân lớp văn bản: Nghiên cứu các bài toán liên quan đến phân lớp văn bản như: phân tích cảm xúc, phát hiện tin giả, ...
- Ứng dụng Xử lý ngôn ngữ tự nhiên cho các lĩnh vực khác khác như: Hệ thống thông tin, thị giác máy tính, ... Từ năm 2024, ứng viên bắt đầu nghiên cứu thêm lĩnh vực thị giác máy tính, kết hợp giữa Thị giác máy tính với Xử lý ngôn ngữ tự nhiên, chủ yếu ở ba bài toán chính: Truy vấn ảnh (Image retrieval), Hỏi đáp trực quan (Visual Question and Answer), xử lý ảnh y khoa (medical image processing).

14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:

- Đã hướng dẫn (số lượng) 0 NCS bảo vệ thành công luận án TS;
- Đã hướng dẫn (số lượng) 6 HVCH/CK2/BSNT bảo vệ thành công luận án ThS/CK2/BSNT (ứng viên chức danh GS không cần kê khai nội dung này);
- Đã hoàn thành đề tài NCKH từ cấp cơ sở trở lên: 2 cấp Cơ sở; 1 cấp Khác;
- Đã công bố (số lượng) 40 bài báo khoa học, trong đó 20 bài báo khoa học trên tạp chí quốc tế có uy tín;
- Đã được cấp (số lượng) 0 bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích;
- Số lượng sách đã xuất bản 0, trong đó 0 thuộc nhà xuất bản có uy tín;
- Số lượng tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục, thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế: 0

15. Khen thưởng (các huân chương, huy chương, danh hiệu):

TT	Tên khen thưởng	Cấp khen thưởng	Năm khen thưởng
1	Đã có thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua “Dạy tốt, Học tốt” năm học 2013 – 2014	Bộ Công Thương	2014

16. Kỷ luật (hình thức từ khiển trách trở lên, cấp ra quyết định, số quyết định và thời hạn hiệu lực của quyết định):

TT	Tên kỷ luật	Cấp ra quyết định	Số quyết định	Thời hạn hiệu lực
Không có				

B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH GIÁO SƯ/PHÓ GIÁO SƯ

1. Tự đánh giá về tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo:

- Công tác giảng dạy:
 - Ứng viên luôn hoàn thành tốt công tác giảng dạy do cơ sở đào tạo đã phân công về cả chất lượng và số lượng. Hằng năm, ứng viên đều giảng dạy vượt định mức của giảng viên có trình độ tiến sĩ. Chất lượng giảng dạy của ứng viên luôn được đảm bảo, luôn nhận được phản hồi tích cực từ sinh viên.

- Nói thêm rằng, tại cơ sở đào tạo mà ứng viên đang công tác, kết thúc mỗi môn học thì sinh viên đều phải phản hồi lại chất lượng giảng dạy của giảng viên. Trong 6 năm gần nhất, điểm hài lòng của ứng viên luôn lớn hơn 5.4 điểm (thang điểm 6.0). Ứng viên luôn tận tâm với nghề, không ngừng phấn đấu học hỏi, trau dồi chuyên môn, để đem đến những kiến thức hữu ích nhất cho sinh viên.
- Công tác nghiên cứu khoa học: Ứng viên tích cực tham gia các hoạt động nghiên cứu khoa học, thể hiện ở các hoạt động như: Công bố bài báo khoa học, bình duyệt các bản thảo bài báo khoa học, hướng dẫn nghiên cứu khoa học sinh viên, cố vấn chuyên môn cho doanh nghiệp.
 - Công bố khoa học: Từ bậc học cao học, ứng viên đã luôn cố gắng nghiên cứu, công bố các công trình khoa học chất lượng cao theo thời gian cả trong nước và quốc tế. Ở trong nước, ứng viên đã tham gia công bố tại các hội nghị và tạp chí như: hội nghị FAIR, tạp chí Tin Học Điều Khiển, Tạp chí Phát triển Khoa học Công nghệ. Ứng viên cũng công bố công trình khoa học tại các tạp chí có uy tín như: IEEE Access (Q1), TALLIP (Q2), KSII Transactions On Internet And Information systems (Q3), ICICELB (Scopus, Q4), International Journal of Intelligent Information and Database Systems (Q4), và nhiều tạp chí uy tín khác.
 - Bình duyệt bản thảo bài báo khoa học: Ứng viên thường xuyên tham gia bình duyệt bản thảo cho các hội nghị trong nước lẫn quốc tế. Ở trong nước, ứng viên tham gia bình duyệt bản thảo cũng như điều khiển chương trình cho hội nghị quốc gia “Nghiên cứu cơ bản và Ứng dụng Công nghệ thông tin” (FAIR: Fundamental and Applied IT Research) các năm 2023, 2024. Ứng viên cũng tham gia bình duyệt bản thảo cho các tạp chí của các nhà xuất bản uy tín như: Tạp chí TALLIP (Q2) của NXB ACM, tạp chí IEEE Access (Q1) của NXB IEEE, tạp chí PeerJ Computer Science (Q1) của NXB PeerJ, tạp chí Language Resources and Evaluation (Q1) thuộc NXB Springer, tạp chí International Journal of Intelligent Information and Database Systems (Q4) của NXB InderScience, tạp chí Vietnam journal of Computer science (Q3) của World Scientific, là thành viên ban tổ chức Phiên “Deep learning for NLP” của hội nghị quốc tế ICCIES 2025.
 - Hướng dẫn nghiên cứu khoa học sinh viên: Ứng viên tích cực tham gia hướng nghiên cứu khoa học sinh viên, hướng dẫn thành công 2 đề tài NCKH sinh viên cấp trường với một giải ba và một giải khuyến khích và vào đến vòng bán cuộc thi Eureka trong năm học 2023-2024.
 - Cố vấn chuyên môn cho doanh nghiệp: Ngoài nghiên cứu lý thuyết, ứng viên cũng tham gia chuyển giao khoa học công nghệ cho doanh nghiệp thông qua hình thức cố vấn chuyên môn. Năm 2023-2024, ứng viên có tham gia cố vấn về lĩnh vực Quản trị cơ sở dữ liệu và API tích hợp hệ thống cho sàn thương mại điện tử được phẩm B2B (website: <https://trungtamduocpham.com/>)

- Công tác khác:

- Ngoài công tác giảng dạy và nghiên cứu khoa học, ứng viên còn tham gia một số công tác khác tại cơ sở đào tạo như: quản lý bộ môn (từ 2018 đến nay), trợ lý trưởng khoa (2017-2018, 2022-2024), hỗ trợ công tác hợp tác doanh nghiệp, tham gia viết bản tự đánh giá (SAR) cho các chương trình kiểm định quốc tế ASIIN và AUN, tham gia điều phối các chương trình kiểm định ASIIN và AUN, tham gia công tác truyền thông tuyển sinh. Đối với mỗi đầu việc, ứng viên đều tích cực tham gia, hoàn thành tốt công việc được giao.

Với những kết quả đạt được như trên, ứng viên tự đánh giá đủ tiêu chuẩn và hoàn thành tốt các công việc của một nhà giáo.

2. Thời gian, kết quả tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên:

- Tổng số năm thực hiện nhiệm vụ đào tạo: 18 năm 0 tháng
- Khai cụ thể ít nhất 06 năm học, trong đó có 03 năm học cuối liên tục tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ (ứng viên GS chỉ khai 3 năm cuối liên tục sau khi được công nhận PGS):

TT	Năm học	Số lượng NCS đã hướng dẫn		Số lượng ThS/CK2/BSNT đã hướng dẫn	Số đồ án, khóa luận tốt nghiệp ĐH đã HD	Số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp		Tổng số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp/số giờ chuẩn gd quy đổi/số giờ chuẩn định mức (*)
		Chính	Phụ			ĐH	SDH	
1	2019-2020					450		450/450/216
2	2020-2021			2		474		474/534/220
3	2021-2022			2		474		474/534/220
03 năm học cuối								
4	2022-2023					450		450/450/220
5	2023-2024			2	4	360		360/462/207
6	2024-2025					468		468/468/220

(*) - Trước ngày 25/3/2015, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Quyết định số 64/2008/QĐ-BGDĐT ngày 28/11/2008, được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 36/2010/TT-BGDĐT ngày 15/12/2010 và Thông tư số 18/2012/TT-BGDĐT ngày 31/5/2012 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

- Từ 25/3/2015 đến nay, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Thông tư số 47/2014/TT-BGDĐT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

- Từ ngày 11/9/2020 đến nay, theo Quy định chế độ làm việc của giảng viên cơ sở giáo dục đại học ban hành kèm theo Thông tư số 20/2020/TT-BGDĐT ngày 27/7/2020 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT; định mức giờ chuẩn giảng dạy theo quy định của thủ trưởng cơ sở giáo dục đại học, trong đó định mức của giảng viên thỉnh giảng được tính trên cơ sở định mức của giảng viên cơ hữu.

3. Ngoại ngữ

3.1. Ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn: Tiếng Anh

a) Được đào tạo ở nước ngoài ☐:

- Học ĐH ☐; Tại nước: ; Từ năm đến năm

- Bảo vệ luận văn ThS ☐ hoặc luận án TS ☐ hoặc TSKH ☐; Tại nước: năm

b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước ☐:

- Trường ĐH cấp bằng tốt nghiệp ĐH ngoại ngữ: số bằng: ; năm cấp:

c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài ☒:

- Giảng dạy bằng ngoại ngữ: Tiếng Anh

- Nơi giảng dạy (cơ sở đào tạo, nước): Trường Đại học Tôn Đức Thắng

d) Đối tượng khác ☐; Diễn giải:

3.2. Tiếng Anh (văn bằng, chứng chỉ): TOEIC 670; High Intermediate: Do QTS Úc cấp

4. Hướng dẫn NCS, HVCH/CK2/BSNT đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng

TT	Họ tên NCS hoặc HVCH/CK2/BSNT	Đối tượng		Trách nhiệm hướng dẫn		Thời gian hướng dẫn từ ... đến ...	Cơ sở đào tạo	Ngày, tháng, năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng
		NCS	HVCH/CK2/BSNT	Chính	Phụ			
1	Võ Quốc Tuấn		X	X		07/2020 đến 07/2021	Trường Đại học Tôn Đức Thắng	12/08/2021
2	Taymany Bounnhalith		X	X		07/2020 đến 07/2021	Trường Đại học Tôn Đức Thắng	12/08/2021
3	Bùi Vũ Vĩnh		X	X		01/2021 đến 01/2022	Trường Đại học Tôn Đức Thắng	30/06/2022

4	Nguyễn Thị Hồng Yến		X	X		04/2022 đến 10/2022	Trường Đại học Tôn Đức Thắng	31/12/2022
5	Nguyễn Phục Nghi		X	X		08/2021 đến 04/2024	Trường Đại học Tôn Đức Thắng	04/07/2024
6	Trần Thị Thu Thuý		X	X		04/2024 đến 10/2024	Trường Đại học Công thương TPHCM	01/11/2024

Ghi chú: Ứng viên chức danh GS chỉ kê khai thông tin về hướng dẫn NCS.

5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo đại học và sau đại học trở lên

TT	Tên sách	Loại sách (CK, GT, TK, HD)	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Chủ biên	Phần biên soạn (từ trang ... đến trang)	Xác nhận của cơ sở GDDH (Số văn bản xác nhận sử dụng sách)
Không có							

Trong đó, số lượng (ghi rõ các số TT) sách chuyên khảo do nhà xuất bản có uy tín xuất bản và chương sách do nhà xuất bản có uy tín trên thế giới xuất bản, mà ứng viên là chủ biên sau PGS/TS: 0 ()

Lưu ý:

- Chỉ kê khai các sách được phép xuất bản (Giấy phép XB/Quyết định xuất bản/số xuất bản), nộp lưu chiểu, ISBN (nếu có).
- Các chữ viết tắt: CK: sách chuyên khảo; GT: sách giáo trình; TK: sách tham khảo; HD: sách hướng dẫn; phần ứng viên biên soạn cần ghi rõ từ trang.... đến trang..... (ví dụ: 17-56; 145-329).

6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN/PCN/TK	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm) / Kết quả
Sau khi bảo vệ học vị tiến sĩ					

1	Phát sinh câu hỏi cho văn bản tiếng Việt dựa trên cú pháp và ngữ nghĩa	CN	FOSTECT.2022.12, cấp Cơ sở	24/10/2022 đến 23/10/2023	Ngày 20 tháng 10 năm 2023/Đạt
2	Phương pháp xây dựng Kho ngữ liệu song ngữ Hoa-Việt từ trang web phụ đề và Ứng dụng trong dịch máy Hoa-Việt	CN	FOSTECT.2024.05, cấp Cơ sở	12/07/2024 đến 11/07/2025	Ngày 13 tháng 02 năm 2025/Đạt
3	Xây dựng hệ thống trả lời tự động về tư vấn tuyển sinh sau đại học tại Trường Đại học Công Nghiệp Thực Phẩm TPHCM	TK	08/2019/HĐ-KHCNT-VU, cấp Khác	30/12/2019 đến 30/12/2020	Ngày 30 tháng 12 năm 2020/Đạt

- Các chữ viết tắt: CT: Chương trình; ĐT: Đề tài; CN: Chủ nhiệm; PCN: Phó chủ nhiệm; TK: Thư ký.

7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố (bài báo khoa học, báo cáo khoa học, sáng chế/giải pháp hữu ích, giải thưởng quốc gia/quốc tế):

7.1.a. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
Trước khi bảo vệ học vị tiến sĩ								
1	An Approach to Construct a Named Entity Annotated English-Vietnamese Bilingual Corpus	3	Không	ACM Transactions on Asian and Low-Resource Language Information Processing (TALLIP) ISSN: 2375-4699	Rất uy tín - SCIE IF: 1.8, Q2	12	16, 2, 1-17	10/2016
2	Word Re-Segmentation in Chinese-Vietnamese	3	Có	ACM Transactions on Asian and Low-Resource Language Information	Rất uy tín - SCIE IF: 1.8, Q2	19	16, 2, 1-22	11/2016

	Machine Translation			Processing (TALLIP) ISSN: 2375-4699				
3	Linguistic-Relationships-Based Approach for Improving Word Alignment	4	Có	ACM Transactions on Asian and Low-Resource Language Information Processing (TALLIP) ISSN: 2375-4699	Rất uy tín - SCIE <i>IF</i> : 1.8, Q2	8	17, 1, 1-16	10/2017
4	Improving Word Alignment Based on Named Entity	3	Có	International Journal of Innovative Computing, Information and Control - ICIC Express Letters, Part B: Applications, ISSN: 2185-2766	Uy tín - Scopus <i>IF</i> : Q4		8, 7, 1061-1068	07/2017
5	Dependency-Based Pre-Ordering of Preposition Phrases in Chinese-Vietnamese Machine Translation	5	Có	International Journal of Innovative Computing, Information and Control - ICIC Express Letters, Part B: Applications, ISSN: 2185-2766	Uy tín - Scopus <i>IF</i> : Q4	2	9, 3, 265-272	03/2018
6	A novel approach for handling unknown word problem in Chinese-Vietnamese machine translation	2	Có	International Journal of Computational Linguistics and Chinese Language Processing (IJCLCLP), ISSN: 1027-376X	- Hệ thống CSDL quốc tế khác <i>IF</i> : ACL Anthology		19, 1, 1-10	03/2014

7	A Character-Level-Based and Word-Level-Based Approach for Chinese-Vietnamese Machine Translation	3	Có	Computational Intelligence and Neuroscience, ISSN: 1687-5273	- Hệ thống CSDL quốc tế khác	23	Special Issue: Smart	06/2016
8	Handling Organization Name Unknown Word in Chinese-Vietnamese Machine Translation	4	Có	The 10th RIVF International Conference on Computing and Communication Technologies (RIVF 2013), IEEE ISSN: 2473-0130	- Hệ thống CSDL quốc tế khác	8	242-247	11/2013
9	Resolving Named Entity Unknown Word in Chinese-Vietnamese Machine Translation	3	Có	The Fifth International Conference on Knowledge and Systems Engineering (KSE 2013), Springer ISBN: 978-3-319-02821-7	- Hệ thống CSDL quốc tế khác	8	273-284	10/2013
10	Xử lý câu hỏi chính phủ trong dịch thống kê Hoa-Việt	2	Có	Chuyên san “Các công trình nghiên cứu, phát triển và ứng dụng Công nghệ thông tin và Truyền thông” ISSN: 1859-3526	- Hệ thống CSDL quốc tế khác IF: <i>Tạp chí trong nước</i>		V-1, 27, 71-78	05/2012

11	Xử lý tên người mới trong dịch thống kê Hoa-Việt	2	Có	Kỷ yếu Hội nghị Quốc gia lần thứ VI về Nghiên cứu cơ bản và ứng dụng Công Nghệ thông tin (FAIR 2013) ISBN: 978-604-913-165-3	<i>IF: Hội nghị quốc gia</i>		635-640	06/2013
12	Dịch lại từ chưa biết dạng biểu thức số trong dịch thống kê Hoa-Việt	2	Có	Journal of Computer Science and Cybernetics, ISSN: 1813-9663	<i>IF: Tạp chí trong nước</i>	4	30, 2, 127-138	06/2014
13	Khảo sát yếu tố ranh giới từ trong dịch thống kê Hoa-Việt	2	Có	Tạp chí Phát triển Khoa học và Công nghệ, ISSN: 1859-0128	<i>IF: Tạp chí trong nước</i>		18, T2-2015, 66-74	06/2015
14	Một phương pháp dịch từ mới trong dịch máy Hoa-Việt	4	Có	Hội Thảo Quốc Gia 2015 về Điện Tử, Truyền Thông và Công Nghệ Thông Tin, ISBN: 978-604-67-0635-9	<i>IF: Hội nghị trong nước</i>		206-211	12/2015
Sau khi bảo vệ học vị tiến sĩ								
15	Improving a Neural Named Entity Model with Linguistic Factors	5	Có	International Journal of Innovative Computing, Information and Control - ICIC Express Letters, Part B: Applications, ISSN: 2185-2766	Uy tín - Scopus <i>IF: Q4</i>	1	9, 5, 375-380	05/2018

16	Pre-Ordering of “De Phrase” in Chinese-Vietnamese Machine Translation	3	Có	International Journal of Innovative Computing, Information and Control - ICIC Express Letters, Part B: Applications, ISSN: 2185-2766	Uy tín - Scopus <i>IF</i> : Q4		9, 10, 983-990	10/2018
17	Pre-ordering for Chinese-Vietnamese statistical machine translation	5	Không	IEICE Transactions on Information and Systems, ISSN: 1745-1361	Uy tín - SCIE <i>IF</i> : 0.6, Q4	6	E102.D, 2, 375-382	02/2019
18	Korean-Vietnamese Neural Machine Translation System With Korean Morphological Analysis and Word Sense Disambiguation	5	Không	IEEE Access, ISSN: 2169-3536	Rất uy tín - SCIE <i>IF</i> : 3.4, Q1	30	7, 2902270, 32602-32616	03/2019
19	Projecting dependency syntax labels from English into Vietnamese in English-Vietnamese bilingual corpus	6	Có	International Journal of Intelligent Information and Database Systems (IJIIDS), ISSN: 1751-5866	Uy tín - Scopus <i>IF</i> : Q4		13, 1, 17-32	06/2020

20	Transformer Encoders Incorporating Word Translation for Russian-Vietnamese Machine Translation	4	Không	International Journal of Innovative Computing, Information and Control - ICIC Express Letters, Part B: Applications, ISSN: 2185-2766	Uy tín - Scopus <i>IF</i> : Q4		12, 1, 35-42	01/2021
21	An efficient hybrid algorithm for community structure detection in complex networks based on node influence	6	Có	International Journal of Innovative Computing, Information and Control - ICIC Express Letters, Part B: Applications, ISSN: 2185-2766	Uy tín - Scopus <i>IF</i> : Q4		12, 10, 899-908	10/2021
22	Sublemma-Based Neural Machine Translation	3	Không	Complexity, ISSN: 1076-2787	Rất uy tín - SCIE <i>IF</i> : <i>IF</i> : 1.7, Q1	2	2021, 935958, 1-9	10/2021
23	Improving Transformer-Based Neural Machine Translation with Prior Alignments	4	Không	Complexity, ISSN: 1076-2787	Rất uy tín - SCIE <i>IF</i> : <i>IF</i> : 1.7, Q1	26	2021, 515407, 1-10	05/2021
24	A Method of Chinese-Vietnamese Bilingual Corpus Construction	5	Có	IEEE Access, ISSN: 2169-3536	Rất uy tín - SCIE <i>IF</i> : <i>IF</i> : 3.4, Q1	8	10, 3186978, 78928 - 78938	06/2022

	for Machine Translation							
25	Building a Closed-Domain Question Answering System for a Low-Resource Language	5	Có	ACM Transactions on Asian and Low-Resource Language Information Processing (TALLIP) ISSN: 2375-4699	Rất uy tín - SCIE <i>IF</i> : 1.8, Q2	5	22, 3, 1-14	03/2023
26	Sentiment analysis for a Low-Resource Language: A study on a Vietnamese University	3	Có	International Journal of Innovative Computing, Information and Control - ICIC Express Letters, Part B: Applications, ISSN: 2185-2766	Uy tín - Scopus <i>IF</i> : Q4	1	14, 11, 1115-1124	11/2023
27	Using Syntax and Shallow Semantic Analysis for Vietnamese Question Generation	4	Có	KSII Transactions On Internet And Information systems, ISSN: 1976-7277	Uy tín - SCIE <i>IF</i> : 1.2, Q3		17, 10, 2718-2731	10/2023
28	Constructing a Chinese-Vietnamese Bilingual Corpus from Subtitle Websites	2	Có	International Journal of Intelligent Information and Database Systems (IJIIDS), ISSN: 1751-5866	Uy tín - Scopus <i>IF</i> : Q4		16, 4, 385-408	10/2024
29	Utilizing Transformer Models To Detect Vietnamese	2	Có	KSII Transactions On Internet And Information systems, ISSN: 1976-7277	Uy tín - SCIE <i>IF</i> : 1.2, Q3		19, 2, 472-487	02/2025

	Fake News on Social Media Platforms							
30	Mixed-Level Neural Machine Translation	3	Không	Computational Intelligence and Neuroscience, ISSN: 1687-5273	- Hệ thống CSDL quốc tế khác IF: <i>Tạp chí quốc tế</i>	7	2020, 8859452, 1-7	11/2020
31	Collecting Chinese-Vietnamese Texts from Bilingual Websites	3	Có	2018 5th NAFOSTED Conference on Information and Computer Science (NICS), ISBN: 978-1-5386-7984-5	- Hệ thống CSDL quốc tế khác IF: <i>Hội nghị quốc tế (SCOPUS)</i>	4	260-264	11/2018
32	Exploring Machine Translation on the Chinese-Vietnamese Language Pair (Extended Abstract)	4	Có	CSoNet 2019: Computational Data and Social Networks, ISBN: 978-3-030-34980-6	- Hệ thống CSDL quốc tế khác IF: <i>Hội nghị quốc tế (SCOPUS)</i>		205-206	11/2019
33	Assessing the Readability of Vietnamese Texts Through Comparison (Extended Abstract)	2	Có	CSoNet 2019: Computational Data and Social Networks, ISBN: 978-3-030-34980-6	- Hệ thống CSDL quốc tế khác IF: <i>Hội nghị quốc tế (SCOPUS)</i>	1	201-202	11/2019
34	Sử dụng mô hình BERT để phân tích thái độ người dùng qua các bình luận	4	Có	Tạp chí Khoa học Trường Đại học Sư Phạm TPHCM, ISSN: 2734-9918	IF: <i>Tạp chí trong nước</i>		20, 8, 1491-1498	02/2023

35	A Sense Tagging Algorithm Using Unsupervised Method	3	Không	Hội nghị Khoa học Quốc gia về Nghiên cứu Cơ bản và Ứng dụng Công nghệ thông tin năm 2019 (FAIR 2019), ISBN: 978-604-913-915-4	<i>IF: Hội nghị quốc gia</i>		1-7	06/2019
36	Hệ thống trả lời tự động tư vấn tuyển sinh sau đại học	5	Có	Hội nghị Khoa học Quốc gia về Nghiên cứu cơ bản và ứng dụng công nghệ thông tin năm 2020 (FAIR 2020), ISBN: 978-604-9985-66-9	<i>IF: Hội nghị quốc gia</i>		172-179	10/2020
37	Phân tích quan điểm xã hội đối với Đại học Phan Thiết	3	Có	Hội nghị Khoa học Quốc gia về Nghiên cứu cơ bản và ứng dụng Công nghệ thông tin năm 2021 (FAIR 2021), ISBN: 978-604-9988-60-8	<i>IF: Hội nghị quốc gia</i>		447-454	12/2021
38	Nghiên cứu một số mô hình hỏi đáp tự động trên miền dữ liệu du lịch	3	Có	Kỷ yếu Hội nghị Quốc gia lần thứ XVI về Nghiên cứu cơ bản và ứng dụng Công Nghệ thông tin (FAIR 2023), ISBN:978-604-357-201-8	<i>IF: Hội nghị quốc gia</i>		558-565	09/2023
39	Nhân diện tự động các thành phần trong mô hình thực thể kết hợp	2	Có	Kỷ yếu Hội nghị Quốc gia lần thứ XVII về Nghiên cứu cơ bản và ứng dụng Công Nghệ thông tin (FAIR 2024)	<i>IF: Hội nghị quốc gia</i>		601-608	08/2024

40	Tìm kiếm ảnh dựa trên mạng học sâu và đồ thị tri thức	3	Không	Kỷ yếu Hội nghị Quốc gia lần thứ XVII về Nghiên cứu cơ bản và ứng dụng Công Nghệ thông tin (FAIR 2024)	<i>IF: Hội nghị quốc gia</i>		791-798	08/2024
----	---	---	-------	--	------------------------------	--	---------	---------

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học quốc tế có uy tín mà UV là tác giả chính sau PGS/TS: 10 ([15] [16] [19] [21] [24] [25] [26] [27] [28] [29])

7.1.b. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố (*Dành cho các chuyên ngành thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự được quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg*)

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Thuộc danh mục tạp chí uy tín của ngành	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
Không có							

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học uy tín của ngành mà UV là tác giả chính sau PGS/TS: 0

7.2. Bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích

TT	Tên bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích	Tên cơ quan cấp	Ngày tháng năm cấp	Tác giả chính/ đồng tác giả	Số tác giả
Không có					

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích được cấp, là tác giả chính sau PGS/TS:

7.3. Tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế (đối với ngành Văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao)

TT	Tên tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu TDTT	Cơ quan/tổ chức công nhận	Văn bản công nhận (số, ngày, tháng, năm)	Giải thưởng cấp Quốc gia/Quốc tế	Số tác giả
Không có					

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu đạt giải thưởng quốc tế, là tác giả chính/hướng dẫn chính sau PGS/TS:

8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình/dự án/đề tài nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học đã được đưa vào áp dụng thực tế:

TT	Chương trình đào tạo, chương trình	Vai trò UV (Chủ trì/ Tham gia)	Văn bản giao nhiệm vụ (số, ngày, tháng, năm)	Cơ quan thẩm định, đưa vào sử dụng	Văn bản đưa vào áp dụng thực tế	Ghi Chú
----	------------------------------------	--------------------------------	--	------------------------------------	---------------------------------	---------

	 nghiên cứu ứng dụng KHCN					
Không có						

9. Các tiêu chuẩn không đủ so với quy định, đề xuất công trình khoa học (CTKH) thay thế*:

a) Thời gian được bổ nhiệm PGS

Được bổ nhiệm PGS chưa đủ 3 năm: thiếu (số lượng năm, tháng):

b) Hoạt động đào tạo

- Thâm niên đào tạo chưa đủ 6 năm (UV PGS), còn thiếu (số lượng năm, tháng):

- Giờ giảng dạy

+ Giờ chuẩn giảng dạy trực tiếp trên lớp không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu):

+ Giờ chuẩn giảng dạy quy đổi không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu):

- Hướng dẫn chính NCS/HVCH,CK2/BSNT:

+ Đã hướng dẫn chính 01 NCS đã có Quyết định cấp bằng TS (UV chức danh GS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 NCS được cấp bằng TS bị thiếu:

+ Đã hướng dẫn chính 01 HVCH/CK2/BSNT đã có Quyết định cấp bằng ThS/CK2/BSNT (UV chức danh PGS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 HVCH/CK2/BSNT được cấp bằng ThS/CK2/BSNT bị thiếu:

c) Nghiên cứu khoa học

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ (UV chức danh GS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ bị thiếu:

- Đã chủ trì không đủ 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở (UV chức danh PGS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở bị thiếu:

- Không đủ số CTKH là tác giả chính sau khi được bổ nhiệm PGS hoặc được cấp bằng TS:

+ Đối với ứng viên chức danh GS, đã công bố được: 03 CTKH ☐; 04 CTKH ☐

Đề xuất sách CKUT/chương sách của NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 05 CTKH là tác giả chính theo quy định:

+ Đối với ứng viên chức danh PGS, đã công bố được: 02 CTKH ☐

Đề xuất sách CKUT/chương sách NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 03 CTKH là tác giả chính theo quy định:

Chú ý: Đối với các chuyên ngành bí mật nhà nước thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự, các tiêu chuẩn không đủ về hướng dẫn, đề tài khoa học và công trình khoa học sẽ được bù bằng điểm từ các bài báo khoa học theo quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg.

d) Biên soạn sách phục vụ đào tạo (đối với ứng viên GS)

- Không đủ điểm biên soạn sách phục vụ đào tạo:

- Không đủ điểm biên soạn giáo trình và sách chuyên khảo:

C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH:

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

TPHCM, ngày 30 tháng 07 năm 2025

**Người đăng ký
(Ký và ghi rõ họ tên)**